

KỸ NĂNG XỬ PHẠT, THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VÀ CƯỠNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

*Thạc sỹ Nguyễn Hoàng Việt,
Phó Trưởng phòng, Cục QLXLVPHC&TDTHPL, Bộ Tư pháp*

I. Mở đầu

Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt là một trong những nội dung quan trọng nhất, được quy định tập trung tại Chương III Phần thứ hai của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020 (Luật XLVPHC). Chương này quy định về trình tự các bước cũng như thủ tục khác mà người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải tiến hành để xử lý một vụ việc vi phạm hành chính, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính cho đến khi giải quyết xong vụ việc vi phạm hành chính.

II. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong Luật XLVPHC**2.1. Về kết cấu, bố cục**

Hiện nay trong Luật XLVPHC, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Chương III Phần thứ hai của Luật XLVPHC. Để bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành, Chương III được chia thành 3 mục như sau: Mục 1 quy định về thủ tục xử phạt; Mục 2 quy định về thi hành quyết định xử phạt; Mục 3 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

Vi phạm hành chính thường đa dạng nhưng có thể khái quát thành vi phạm đơn giản (như hành vi vượt đèn đỏ, đi vào đường ngược chiều...) và vi phạm phức tạp (như hành vi làm hàng giả, kinh doanh thực phẩm không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, trốn thuế nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hành sự...). Đối với vi phạm đơn giản thì thủ tục xử phạt cũng cần thực hiện đơn giản để không làm mất thời gian, công sức của người có thẩm quyền xử phạt cũng như cá nhân, tổ chức vi phạm, vụ vi phạm được giải quyết nhanh chóng.

2.2. Nội dung các quy định về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Để bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo đảm quyền công dân và quy định rõ ràng nghĩa vụ, trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt, Luật XLVPHC đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục từ khi vi phạm hành chính bị phát hiện, lập biên bản đến việc xác minh các tình tiết làm căn cứ cho việc xử phạt, ra quyết định xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thực hiện.

2.2.1. Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản và có lập biên bản

Thực tiễn xử phạt vi phạm hành chính cho thấy tính chất đa dạng, phong phú của các vụ vi phạm: vụ vi phạm hành chính đơn giản như điều khiển phương tiện giao thông đi vào đường cấm, đường một chiều, vứt rác ra đường,... nhưng cũng có vụ vi phạm với tình tiết tương đối phức tạp, cần phải xác minh như hành vi đốt rừng làm nương rẫy, làm hàng giả,... Xuất phát từ tính chất đa dạng của các vụ vi phạm hành chính, Luật XLVPHC chia thủ tục xử phạt thành hai loại: thủ tục xử phạt không lập biên bản và thủ tục xử phạt có lập biên bản.

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản được áp dụng trong trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 250.000 đồng đối với cá nhân, 500.000 đồng đối với tổ chức và người có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại chỗ. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chính xác, cụ thể, trong Luật cũng quy định trường hợp ngoại lệ như vi phạm hành chính được phát hiện nhờ sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ thì phải lập biên bản.

Nội dung quyết định xử phạt theo thủ tục không lập biên bản đơn giản hơn nhưng vẫn bảo đảm ghi nhận đầy đủ các tình tiết của vụ việc vi phạm, ghi rõ ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, địa chỉ của cá nhân vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm; địa điểm xảy ra vi phạm; chứng cứ và tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định xử phạt; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng. Trường hợp phạt tiền thì trong quyết định phải ghi rõ mức tiền phạt.

Bản chất của thủ tục xử phạt không lập biên bản là vụ việc vi phạm đơn giản, rõ ràng, không có tình tiết phức tạp, trong trường hợp này, vụ việc được giải quyết nhanh chóng, trật tự quản lý được khôi phục ngay, không gây khó khăn, phiền hà cho người bị xử phạt, người vi phạm có thể nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận biên lai thu tiền phạt. Nếu người vi phạm không thể nộp tiền phạt tại chỗ (có thể do không mang theo tiền hoặc không có đủ số tiền phải nộp,...) thì nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt.

Thủ tục xử phạt có lập biên bản được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định có thể áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân từ trên 250.000 đồng và áp dụng mức phạt tiền đối với tổ chức từ trên 500.000 đồng, áp dụng hình thức xử phạt đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính...

Việc xử phạt vi phạm hành chính có lập biên bản phải được người có thẩm quyền xử phạt lập thành hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính. Hồ sơ bao gồm biên

bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt hành chính, các tài liệu, giấy tờ có liên quan và phải được đánh bút lục.

2.2.2. Lập biên bản vi phạm hành chính

a) Những người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính:

Liên quan đến thẩm quyền lập biên bản, Điều 58 Luật XLVPHC quy định khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản. Vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa thì người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

Việc quy định rõ chức danh có thẩm quyền lập biên bản có ý nghĩa rất quan trọng để tránh sự lạm dụng, tùy tiện của các lực lượng chức năng khi tham gia xử phạt vi phạm hành chính, góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương của quản lý nhà nước. Tuy nhiên, Luật XLVPHC không quy định theo hướng liệt kê cụ thể các chức danh có thẩm quyền lập biên bản, vì trên thực tiễn, lực lượng này rất đông đảo do xử phạt vi phạm hành chính diễn ra trong nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước. Vì vậy, Điều 4 của Luật XLVPHC quy định giao Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền lập biên bản trong các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, do đó Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước quy định cụ thể các chức danh có thẩm quyền lập biên bản.

Căn cứ các quy định nêu trên của Luật XLVPHC, qua rà soát các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, có thể thấy, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính bao gồm:

(i) Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (quy định trong Luật XLVPHC và các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước);

(ii) Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, công chức, viên chức thuộc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đang thi hành công vụ, nhiệm vụ (quy định trong các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước);

(iii) Người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu khi vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa (quy định trong Luật XLVPHC và các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước).

b) Thủ tục lập và chuyển biên bản vi phạm hành chính:

Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ khi phát hiện vi phạm hành chính phải lập biên bản vi phạm hành chính.

Đối với hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc không thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của mình, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ phải lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền.

Trường hợp vụ việc phải giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm tang vật, phương tiện và các trường hợp cần thiết khác, thì người có thẩm quyền đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thể lập biên bản làm việc để ghi nhận sự việc.

Biên bản làm việc là một trong những căn cứ để lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp phát hiện vi phạm hành chính bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, thì địa điểm lập biên bản vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC. Theo đó, khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC quy định: “*Biên bản vi phạm hành chính phải được lập tại nơi xảy ra hành vi vi phạm hành chính. Trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập tại trụ sở cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản hoặc địa điểm khác thì phải ghi rõ lý do vào biên bản*”.

Việc chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức liên quan nếu có lỗi trong việc chuyển biên bản vi phạm hành chính hoặc hồ sơ vụ vi phạm không đúng thời hạn dẫn đến quá thời hạn ra quyết định xử phạt, thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc có phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát hiện vi phạm hành chính.

Trường hợp vi phạm hành chính được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản vi phạm hành chính được lập trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan.

Trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa, thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu có trách nhiệm lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi tàu bay, tàu biển, tàu hỏa về đến sân bay, bến cảng, nhà ga.

Trường hợp một vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau, trong đó có hành vi được phát hiện bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan, thì biên bản vi phạm hành chính được lập đối với các hành vi trong vụ việc đó trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng vi phạm bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hoặc nhận được đầy đủ kết quả xác định giá trị tang vật, phương tiện, giám định, kiểm nghiệm, kiểm định, xét nghiệm và xác minh tình tiết liên quan.

d) Lập biên bản vi phạm hành chính trong một số trường hợp cụ thể:

Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị lập một biên bản và ra quyết định xử phạt một lần. Trường hợp hành vi vi phạm đã bị lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt mà cá nhân, tổ chức không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền, vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm đó, thì người có thẩm quyền phải áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính phù hợp để chấm dứt hành vi vi phạm. Khi ra quyết định xử phạt đối với hành vi đó, người có thẩm quyền xử phạt có thể áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC (tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó) hoặc xử phạt đối với hành vi không thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của người có thẩm quyền trong trường hợp Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng có quy định và xử phạt đối với hành vi vi phạm đã lập biên bản nhưng chưa ra quyết định xử phạt.

Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền có thể lập một hoặc nhiều biên bản vi phạm hành chính đối với từng cá nhân, tổ chức vi phạm. Trường hợp giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khác nhau, thì người có thẩm quyền phải ghi rõ giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của từng cá nhân, tổ chức vi phạm.

Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm, thì người có thẩm quyền có thể lập một hoặc nhiều biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần, thì người có thẩm quyền lập một biên bản vi phạm hành chính, trong đó ghi rõ từng hành vi vi phạm và từng lần vi phạm.

đ) Biên bản vi phạm hành chính phải bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản;
- Họ và tên, chức vụ người lập biên bản;
- Thông tin về cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm;
- Mô tả cụ thể, đầy đủ vụ việc, hành vi vi phạm;
- Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;
- Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm (đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền);
- Lời khai của người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại (nếu có); ý kiến của cha mẹ hoặc của người giám hộ trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính (nếu có);
- Quyền và thời hạn giải trình về vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức vi phạm, cơ quan của người có thẩm quyền tiếp nhận giải trình; trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình, thì phải ghi rõ ý kiến vào biên bản;
- Thời gian, địa điểm người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm phải có mặt để giải quyết vụ việc;
- Họ và tên người nhận, thời gian nhận biên bản trong trường hợp biên bản được giao trực tiếp.

e) Ký biên bản vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký, trừ trường hợp biên bản được lập theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Luật XLVPHC (biên bản vi phạm hành chính được lập bằng phương thức điện tử); trường hợp người vi phạm không ký được thì điểm chỉ; nếu có người chứng kiến, người phiên dịch, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại, thì họ cùng phải ký vào biên bản; trường hợp biên bản gồm nhiều trang, thì phải ký vào từng trang biên bản.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc có mặt nhưng từ chối ký, điểm chỉ vào biên bản hoặc trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất một người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến, thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

g) Giao biên bản vi phạm hành chính:

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản, trừ trường hợp không xác định được cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản.

Trường hợp người chưa thành niên vi phạm hành chính, thì biên bản còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó.

Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi lập biên bản vi phạm hành chính hoặc có mặt nhưng từ chối nhận hoặc có căn cứ cho rằng cá nhân, tổ chức vi phạm trốn tránh không nhận biên bản, thì việc giao biên bản vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật XLVPHC về việc gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành. Theo đó, người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận biên bản vi phạm hành chính có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là biên bản vi phạm hành chính đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày biên bản vi phạm hành chính đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận; biên bản vi phạm hành chính đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở

của tổ chức bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận biên bản vi phạm hành chính thì được coi là biên bản đã được giao.

2.2.3. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính

Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính là thủ tục thuộc trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt được thực hiện trước khi ra quyết định xử phạt nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch, khách quan của quyết định xử phạt. Hoạt động này có thể thực hiện trước hoặc sau khi lập biên bản vi phạm hành chính và có thể được thực hiện cùng với các trình tự, thủ tục xử phạt tiếp theo cho đến khi ra quyết định xử phạt, thậm chí có thể thực hiện cho đến khi ra quyết định đình chỉ, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc ban hành mới quyết định xử phạt. Điều 59 Luật XLVPHC quy định khi xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xác minh có hay không có vi phạm hành chính xảy ra trên thực tế; chủ thể thực hiện hành vi vi phạm, lỗi, nhân thân của cá nhân vi phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra và các tình tiết khác có ý nghĩa đối với việc xem xét, quyết định xử phạt. Người có thẩm quyền xử phạt cũng có thể trưng cầu giám định và việc giám định phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định. Quá trình xác minh phải được thể hiện bằng văn bản để bảo đảm tính khách quan, tính chính xác của các tình tiết trong vụ việc vi phạm (khoản 2 Điều 59 Luật XLVPHC).

2.2.4. Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt

Điều 60 của Luật XLVPHC quy định về căn cứ xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm, trình tự, thủ tục xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt. Trình tự, thủ tục định giá được quy định theo hướng minh bạch, chặt chẽ, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp về tài sản của cá nhân, tổ chức vi phạm, đồng thời đề cao trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt trong quá trình giải quyết vụ việc.

a) Về thẩm quyền định giá:

Luật quy định người có thẩm quyền tổ chức định giá là “*người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc*”. Sở dĩ Luật quy định “*người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc*” (mà không quy định “*người có thẩm quyền xử phạt*”) là vì mục đích của việc định giá là để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, vào thời điểm định giá, chưa xác định được ai là người có thẩm quyền xử phạt.

b) Về căn cứ định giá:

Khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC quy định các căn cứ và thứ tự ưu tiên áp dụng để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm, gồm: Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hoá đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu; Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính; Giá thành của tang vật, phương tiện nếu là hàng hoá chưa xuất bán. Đối với tang vật, phương tiện là hàng giả thì giá của tang vật, phương tiện đó là giá thị trường của hàng hoá thật hoặc hàng hoá có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm nơi phát hiện vi phạm hành chính.

Căn cứ để xác định giá trị và các tài liệu liên quan đến việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải thể hiện trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

c) Về thủ tục định giá:

Luật quy định chặt chẽ, cụ thể về điều kiện, thời hạn, thủ tục tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm để định giá. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm chỉ được thực hiện khi người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc không thể áp dụng được các căn cứ nêu trên thì người có thẩm quyền phải thành lập Hội đồng để định giá. Thủ tục tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm để định giá thực hiện theo thủ tục tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (khoản 5, khoản 9 Điều 125 Luật XLVPHC). Tuy nhiên, thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện để định giá bị hạn chế hơn rất nhiều so với trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo thủ tục hành chính nhằm bảo vệ quyền tài sản của người dân. Theo đó, thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện để xác định giá trị không quá 48 giờ, kể từ thời điểm ra quyết định tạm giữ, trong trường hợp thật cần thiết thì thời hạn có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 48 giờ.

Bên cạnh đó, do việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm để định giá là quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người có thẩm quyền xử phạt trong việc xem xét, ra quyết định xử phạt, khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC bổ sung quy định cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm chi trả mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra.

2.2.5. Giải trình

Để tránh tình trạng quan liêu, áp đặt của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt khi tiến hành xử phạt, bảo đảm việc xử phạt được thực hiện một cách khách quan, minh bạch, dân chủ, Điều 61 của Luật XLVPHC quy định cụ thể về quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm và trách nhiệm của cơ quan tiến hành xử

phạt phải xem xét ý kiến giải trình của người vi phạm, phải tiến hành xác minh hành vi của đối tượng vi phạm trước khi ra quyết định xử phạt.

a) Về các trường hợp áp dụng thủ tục giải trình:

Số lượng các vi phạm hành chính xảy ra hàng ngày trên thực tế là rất lớn, đặc biệt trong một số lĩnh vực như trật tự an toàn giao thông, an ninh trật tự, an toàn xã hội..., trong khi đó, lực lượng có thẩm quyền xử phạt lại có hạn, không thể bố trí đủ thời gian, người có thẩm quyền để giải quyết hết toàn bộ các yêu cầu giải trình của người vi phạm. Do vậy, Luật XLVPHC chỉ quy định áp dụng thủ tục giải trình đối với những vi phạm có tính chất nghiêm trọng theo quy định bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc vi phạm hành chính quy định áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân và từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức.

b) Về các hình thức thực hiện quyền giải trình:

Khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC quy định việc giải trình được thực hiện theo hai hình thức là giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản. Giải trình bằng văn bản là việc cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Giải trình trực tiếp là việc cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và trực tiếp tham gia phiên giải trình do người có thẩm quyền xử phạt tổ chức để đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

c) Về thủ tục giải trình:

Luật quy định cụ thể trình tự, thủ tục giải trình, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giải trình nhằm bảo đảm thực hiện quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm trên thực tế, đồng thời không làm “bó tay” cơ quan nhà nước trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt, bảo đảm việc quyết định xử phạt được thực hiện nhanh gọn, đúng thời hạn quy định.

Về phía cá nhân, tổ chức vi phạm, giải trình là quyền của cá nhân, tổ chức vi phạm, vì vậy chỉ khi những người này có yêu cầu thì người có thẩm quyền xử phạt mới có trách nhiệm giải quyết. Do đó, tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Luật XLVPHC quy định cá nhân, tổ chức vi phạm phải có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc yêu cầu giải trình trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc đối với trường hợp giải trình bằng văn bản và không quá 02 ngày làm việc đối với trường hợp giải trình trực tiếp, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền có thể gia hạn thêm thời hạn để

cá nhân, tổ chức vi phạm có thể thực hiện quyền giải trình của mình. Những người này có thể tự mình hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của mình tham gia giải trình.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện quyền giải trình, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định trường hợp khi lập biên vi phạm hành chính chưa xác định được người có thẩm quyền xử phạt, thì cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản giải trình đến người có thẩm quyền lập biên bản. Người có thẩm quyền lập biên bản chuyển hồ sơ vụ việc cùng văn bản giải trình cho người có thẩm quyền ngay khi xác định được thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Về phía người có thẩm quyền xử phạt, để bảo đảm quyền giải trình của người vi phạm, Luật quy định cụ thể trách nhiệm, trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu giải trình. Theo đó, trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trình, người có thẩm quyền xử phạt phải có trách nhiệm tổ chức phiên giải trình, thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình để họ trực tiếp tham gia. Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý và tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan và là một trong những căn cứ quan trọng để người có thẩm quyền xử phạt xem xét, ra quyết định xử phạt. Chính vì vậy, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định việc giải trình và xem xét ý kiến giải trình được thể hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ xử phạt.

d) Xử lý một số trường hợp cụ thể khi áp dụng quy định về giải trình:

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc không gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải trình trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật XLVPHC hoặc ghi rõ ý kiến trong biên bản vi phạm hành chính về việc không thực hiện quyền giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC. Theo đó, thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có yêu cầu giải trình theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 Luật XLVPHC, thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều

66 Luật XLVPHC. Theo đó, thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng hoặc 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính (tùy từng trường hợp).

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn được giải trình (quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật XLVPHC) lại có yêu cầu giải trình, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm theo thủ tục quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật XLVPHC, trừ trường hợp phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch, bệnh đối với tang vật vi phạm hành chính là động vật, thực vật sống, hàng hóa, vật phẩm dễ hư hỏng, khó bảo quản hoặc tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có nguy cơ hoặc có khả năng gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch, bệnh.

2.2.6. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính

a) Các trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính:

Trong quá trình xem xét vụ việc, người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm đánh giá đúng mức độ, tính chất của vụ vi phạm; nếu vụ vi phạm có mức độ, tính chất ít nghiêm trọng thì ban hành quyết định xử phạt; nếu vụ vi phạm có tính chất nghiêm trọng, có dấu hiệu tội phạm, thì phải chuyển cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền. Luật XLVPHC đã quy định cụ thể hai trường hợp thường xảy ra trong thực tiễn: trường hợp thứ nhất là cơ quan có thẩm quyền xử phạt chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 62 Luật XLVPHC) và trường hợp thứ hai là cá nhân, tổ chức đã bị khởi tố, truy tố, hoặc có quyết định đưa ra xét xử nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, nếu vụ vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng tang vật, phương tiện của vụ vi phạm để cơ quan có thẩm quyền xử phạt nghiên cứu, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (Điều 63 Luật XLVPHC).

b) Thủ tục chuyển hồ sơ:

Luật XLVPHC cũng quy định về trình tự, thủ tục chuyển hồ sơ theo hướng minh bạch, cụ thể, chặt chẽ. Thời hạn xem xét, chuyển hồ sơ vụ vi phạm giữa các cơ quan có thẩm quyền xử phạt và cơ quan tố tụng cũng được quy định rõ nhằm

bảo đảm việc chấp hành đúng các quy định về thời hiệu XLVPHC, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng vi phạm, tránh bỏ lọt tội phạm. Cụ thể như sau:

(i) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự:

- Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt:

+ Đối với vụ việc chưa ra quyết định xử phạt: Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

+ Đối với vụ việc đã có quyết định xử phạt:

Trường hợp đang thi hành quyết định xử phạt: Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. Nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự

Trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt: Người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

(ii) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính:

- Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự: Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

- Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt:

+ Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC.

+ Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến kèm theo hồ sơ vụ vi phạm (quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án). Trong trường hợp cần xác minh thêm tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

2.2.7. Sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong việc phát hiện vi phạm hành chính

Do sự phát triển của xã hội nên các hành vi vi phạm hành chính diễn ra ngày càng đa dạng, tinh vi, các đối tượng dùng nhiều thủ đoạn để đối phó, trốn tránh bị xử phạt. Thực tế là trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước, để phát hiện ra hành vi vi phạm nếu chỉ dựa vào trực giác, sự quan sát thông thường của người thi hành công vụ thì sẽ rất khó khăn hoặc không khách quan trong việc xử phạt. Mặt khác, không phải bất cứ vi phạm nào cũng có thể phát hiện kịp thời do không có đủ lực lượng, dễ dẫn đến bỏ lọt vi phạm. Vì vậy, để khắc phục những bất cập, hạn chế này, Luật XLVPHC đã quy định vấn đề sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, truy tìm đối tượng vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống ma túy, phòng, chống tác hại của rượu, bia (và lĩnh vực

khác do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc hội) để kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm hành chính trong các lĩnh vực này.

Ngoài ra, để phát huy tác dụng, hiệu quả của việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào hoạt động xử phạt vi phạm hành chính, đồng thời bảo đảm việc thực hiện được chặt chẽ, tránh tùy tiện, Luật cũng quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng và quy định danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ như: (i) Tôn trọng quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, bí mật đời tư của công dân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức; (ii) Tuân thủ đúng quy trình, quy tắc về sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; (iii) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được ghi nhận bằng văn bản và chỉ được sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính; (iv) Phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đã được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

Đồng thời, để việc sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ bảo đảm quyền con người, quyền công dân, khoản 3 Điều 64 Luật XLVPHC quy định các nguyên tắc trong sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ như: (i) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ là bản ảnh, hình ảnh, phiếu in, chỉ số đo, dữ liệu lưu trong bộ nhớ của phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; (ii) Kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chỉ được sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính khi bảo đảm các yêu cầu, điều kiện theo quy định; (iii) Khi có kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải nhanh chóng xác định tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính và thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân vi phạm. Trường hợp xác định được tổ chức, cá nhân vi phạm, người có thẩm quyền phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được lưu theo biên bản vi phạm hành chính; (iv) Kết quả thu được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được bảo quản chặt chẽ, lưu vào hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Khoản 5 Điều 64 Luật XLVPHC giao Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng, đối tượng được trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính và việc sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp. Các nội dung này hiện nay được quy định cụ thể tại Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính

phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

2.2.8. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Điều 65 Luật XLVPHC quy định các trường hợp không ra quyết định xử phạt, bao gồm: các trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 11 của Luật; không xác định được đối tượng vi phạm hành chính; hết thời hiệu xử phạt, hết thời hạn ra quyết định xử phạt; cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt và trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm.

Khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC cũng quy định, mặc dù không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

2.2.9. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

a) Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC theo hướng cụ thể, chặt chẽ về các trường hợp áp dụng thời hạn xem xét ra quyết định xử phạt (07 ngày, 10 ngày, 01 tháng, 02 tháng) để bảo đảm áp dụng thống nhất, đồng thời đề cao trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt trong quá trình xem xét, ra quyết định xử phạt để việc ban hành quyết định xử phạt được nhanh chóng, chính xác. Theo đó:

(i) Thời hạn chung đối với tất cả các trường hợp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính;

(ii) Vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật XLVPHC (vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt để xử phạt vi phạm hành chính);

(iii) Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính;

(iv) Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC nếu đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

b) Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong một số trường hợp cụ thể:

Khoản 1 Điều 67 Luật XLVPHC quy định trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần thì chỉ ra 01 quyết định xử phạt, trong đó quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm hành chính.

Khoản 2 Điều 67 Luật XLVPHC quy định trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng cá nhân, tổ chức.

Khoản 3 Điều 67 Luật XLVPHC quy định trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

Khoản 2 và khoản 3 Điều 67 Luật XLVPHC quy định người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt trong trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính hoặc trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức. Quy định này nhằm bảo

đảm tính linh hoạt trong thực tiễn xử phạt và thi hành quyết định xử phạt, tạo điều kiện thuận lợi cho người có thẩm quyền xử phạt và cá nhân, tổ chức vi phạm tổ chức thi hành quyết định xử phạt.

c) Nội dung quyết định xử phạt:

Nội dung quyết định xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật XLVPHC. Thời hạn thi hành quyết định được ghi trong quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt, hoặc có thể nhiều hơn nhưng phải được ghi rõ trong quyết định xử phạt để thi hành. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định quy định ngày có hiệu lực khác. Đồng thời, khoản 3 Điều 68 Luật XLVPHC quy định quyết định xử phạt trong mọi trường hợp phải ghi rõ nội dung hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt đối với từng vi phạm.

2.2.10. Thủ tục hủy bỏ, ban hành quyết định mới; đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ quy định về việc giao Chính phủ quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã quy định các vấn đề liên quan đến đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính trên cơ sở nghiên cứu, thiết kế, bổ cục lại các quy định trước đây của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).

a) Về hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính:

Thứ nhất, về thẩm quyền và các trường hợp hủy bỏ toàn bộ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính:

Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của những người quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC phải ban hành quyết định hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định nếu thuộc một trong 08 trường hợp sau đây:

- (i) Không đúng đối tượng vi phạm;
- (ii) Vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định;
- (iii) Vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định;
- (iv) Trường hợp giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính (khoản 1 Điều 12 Luật XLVPHC);
- (v) Trường hợp xác định hành vi vi phạm hành chính không đúng; áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không

đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính (khoản 6 Điều 12 Luật XLVPHC);

(vi) Trường hợp giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính (khoản 10 Điều 12 Luật XLVPHC);

(vii) Trường hợp có quyết định khởi tố vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm (khoản 3 Điều 62 Luật XLVPHC);

(viii) Trường hợp không ra quyết định xử phạt (khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC).

Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cũng quy định rõ: *“Những người quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC theo thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ toàn bộ quyết định có sai sót, nếu người đã ban hành quyết định không hủy bỏ quyết định theo quy định tại khoản 1 Điều này”*.

Thứ hai, về ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định mới nếu có căn cứ để ban hành quyết định mới và thuộc một trong các trường hợp sau:

- (i) Không đúng đối tượng vi phạm;
- (ii) Vi phạm quy định về thẩm quyền ban hành quyết định;
- (iii) Vi phạm quy định về thủ tục ban hành quyết định;
- (iv) Trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 12 Luật XLVPHC;
- (v) Trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật XLVPHC.

Trong trường hợp không ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020), nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc pháp luật có quy định áp dụng hình thức xử phạt tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định mới để tịch thu, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

b) Về đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính:

Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định về đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính. Theo đó, người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của những người

quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC có trách nhiệm đính chính quyết định khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo.

Người đã ban hành quyết định tự mình hoặc theo yêu cầu của những người quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định nếu quyết định có sai sót, vi phạm mà không thuộc các trường hợp phải hủy bỏ toàn bộ quyết định (quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP) và trường hợp đính chính quyết định (quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

c) Về thời hạn đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính:

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cơ bản kế thừa Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) về thời hạn đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Theo đó, thời hạn đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định là 01 năm, kể từ ngày người có thẩm quyền ban hành quyết định có sai sót. Trường hợp hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC, thì không thực hiện việc đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định;

- Điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định: *“Không áp dụng thời hạn trong việc hủy bỏ toàn bộ quyết định đã được ban hành từ ngày Luật XLVPHC có hiệu lực thi hành mà thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này”*.

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định không áp dụng thời hạn đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp sau:

(i) Quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật XLVPHC;

(ii) Có quyết định giải quyết khiếu nại của người hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về việc phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định;

(iii) Có kết luận nội dung tố cáo của người hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo về việc phải sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định;

(iv) Có bản án, quyết định của Tòa án về việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định bị khởi kiện.

Các quy định về thời hạn đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính tại điểm a khoản 1, các khoản 2 và 4 Điều 15 Nghị định này có hiệu lực thi hành đối với các quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính được ban hành kể từ ngày 01/01/2021.

d) Về hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ, quyết định mới ban hành trong xử phạt vi phạm hành chính:

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cơ bản kế thừa Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 97/2017/NĐ-CP) quy định về hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ, quyết định mới ban hành trong xử phạt vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP sửa đổi quy định về hiệu lực của quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ, quyết định mới ban hành theo hướng ngoài có hiệu lực kể từ ngày ký còn có thể có hiệu lực tại một thời điểm cụ thể sau ngày ký quyết định và được ghi trong quyết định.

Bên cạnh đó, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cũng quy định bổ sung quy định về thời hiệu thi hành quyết định đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, quyết định mới ban hành trong trường hợp phải nhiều lần thực hiện việc đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần, ban hành quyết định mới. Theo đó, thời hiệu thi hành trong trường hợp này là 02 năm, kể từ ngày ra quyết định được đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần.

2.3. Một số điểm mới về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP

Có thể thấy, trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Luật XLVPHC đã có những điểm mới, tiến bộ, dân chủ (như việc quy định quyền, thủ tục giải trình của đối tượng vi phạm tại Điều 61; nguyên tắc người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính tại điểm đ khoản 1 Điều 3...). Điều này đã đáp ứng được yêu cầu phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm minh đối với mọi hành vi vi phạm hành chính. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thi hành Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật, những khó khăn, vướng mắc liên quan đến trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính cũng đã nảy sinh, điển hình là những khó khăn, vướng mắc lớn sau đây, đòi hỏi phải

ngiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP. Chính vì vậy, một trong những nội dung quan trọng khi sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP là sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thủ tục xử phạt để bảo đảm tính cụ thể, rõ ràng, tính khả thi khi áp dụng trong thực tiễn nhằm tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành Luật XLVPHC và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật thời gian qua:

Một là, Luật XLVPHC quy định thời gian tiến hành một số công việc quá ngắn, chưa phù hợp thực tế, không bảo đảm tính khả thi; thủ tục, thời hạn thực hiện một số công việc cũng chưa cụ thể dẫn đến sự lúng túng trong quá trình áp dụng pháp luật (thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, giải trình...)... Do vậy, Luật XLVPHC và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan nhằm tháo gỡ những vướng mắc, bất cập kể trên, cụ thể là:

- Luật đã sửa đổi, bổ sung các quy định về lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 58 Luật XLVPHC) theo hướng quy định nguyên tắc “*phải kịp thời lập biên bản*” và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Trên cơ sở đó, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định cụ thể về thời hạn lập biên bản vi phạm hành chính để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm phù hợp với từng lĩnh vực quản lý nhà nước. Đồng thời, Luật bổ sung quy định cụ thể về địa điểm lập biên bản, nội dung biên bản...

Bên cạnh đó, Luật cũng bổ sung quy định liên quan đến trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính để làm căn cứ ra quyết định xử phạt.

Ngoài ra, một trong những điểm mới nổi bật liên quan đến việc lập biên bản vi phạm hành chính là Luật quy định về việc gửi biên bản vi phạm hành chính, theo đó, biên bản vi phạm hành chính có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp và thủ tục giải trình tại Điều 61 Luật XLVPHC nhằm bảo đảm tính khả thi trên thực tế, đồng thời, bảo đảm nâng cao hơn nữa quyền giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm. Theo đó, đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ

chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Về thời hạn giải trình, Luật sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, theo đó, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính từ “*trong thời hạn không quá 05 ngày*” thành “*trong thời hạn 05 ngày làm việc*”, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền xử phạt có thể gia hạn nhưng không quá 05 ngày làm việc theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm. Đồng thời, Luật quy định rõ việc gia hạn của người có thẩm quyền xử phạt phải bằng văn bản. Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, Luật sửa quy định về việc người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp từ “*trong thời hạn 05 ngày*” thành “*trong thời hạn 05 ngày làm việc*”, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn, Luật đã bổ sung 01 khoản tại Điều 61 quy định về trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn lại có yêu cầu giải trình thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm.

Trên cơ sở Luật XLVPHC, Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cũng quy định cụ thể các nội dung liên quan đến giải trình, đồng thời, bổ sung quy định để xử lý khó khăn, vướng mắc trong thực tế tại thời điểm lập biên vi phạm hành chính chưa xác định được người có thẩm quyền xử phạt thì đối tượng vi phạm sẽ gửi văn bản giải trình đến đâu? Theo đó, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định trường hợp khi lập biên vi phạm hành chính chưa xác định được người có thẩm quyền xử phạt, thì cá nhân, tổ chức vi phạm gửi văn bản giải trình đến người có thẩm quyền lập biên bản. Người có thẩm quyền lập biên bản chuyển hồ sơ vụ việc cùng văn bản giải trình cho người có thẩm quyền ngay khi xác định được thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Về thời hạn định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC quy định đối với những tang vật phải thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị thì thời gian quy định là 24 giờ kể từ thời điểm ra Quyết định tạm giữ tang vật, nếu cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không được quá 24 giờ (tổng cộng tối đa là 48 giờ). Có thể thấy thời gian này là không phù hợp vì việc thành lập Hội đồng định giá, việc tổ chức định giá đối với những vụ vi phạm mà tang vật là hàng hóa nhập lậu có giá trị, đặc biệt ở các khu vực biên giới, biển, đảo rất khó khăn. Hơn nữa, có nhiều vụ vi phạm tang vật là nhiều chủng loại hàng hóa, hàng hóa phức tạp, khó xác minh trị giá..., việc xác định giá trị trong

khoảng thời gian 24 giờ sẽ không đảm bảo tính chính xác. Do vậy, để tháo gỡ vướng mắc này, Luật đã sửa đổi thời hạn định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC từ 24 giờ lên 48 giờ.

- Về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Điều 66 Luật XLVPHC quy định: *Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản. Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại đoạn 2 khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này mà cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày. Quá trình thực hiện quy định nêu trên, các bộ, ngành, địa phương cho rằng, quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại khoản 1 Điều 66 là tương đối ngắn, đặc biệt là khi vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt. Chính vì vậy, Luật số 67/2020/QH14 đã sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 66 Luật XLVPHC theo hướng: Đối với vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này, thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật này;*

Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính;

Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Hai là, sửa đổi, bổ sung Điều 64 Luật XLVPHC theo hướng mở rộng lĩnh vực được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính. Theo đó, Luật đã bổ sung các lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống ma túy, phòng, chống tác hại của rượu, bia bên cạnh lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường. Đối với các lĩnh vực khác sẽ do Chính phủ quy định sau khi được sự đồng ý của Ủy ban thường vụ Quốc

hội. Bên cạnh đó, Luật quy định rõ ràng hơn về điều kiện, yêu cầu trong quản lý, sử dụng, quy định danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; điều kiện, yêu cầu trong sử dụng, bảo quản kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; đồng thời, giao Chính phủ quy định quy trình chuyển hóa kết quả thu được từ các phương tiện, thiết bị do các cá nhân, tổ chức cung cấp thành chứng cứ để xác định vi phạm hành chính.

Ba là, về xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu, Luật số 67/2020/QH14 đã sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến vấn đề này nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong thực tiễn như việc xác minh chủ sở hữu phương tiện, việc xử lý đối với các phương tiện có giá trị thấp hoặc không còn giá trị rất khó khăn, mất nhiều thời gian; việc xử lý đối với tang vật, phương tiện đã quá thời hạn tạm giữ mà không xác định được chủ sở hữu/ người vi phạm hoặc chủ sở hữu/ người vi phạm không đến nhận; việc xử lý đối với tang vật, phương tiện do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu, cụ thể như sau:

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, khoản 4 Điều 126 đã sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể, rõ ràng hơn việc thông báo, niêm yết công khai về tang vật, phương tiện bị tạm giữ (số lần thông báo, thời hạn thông báo, xử lý tài sản sau khi hết thời hạn thông báo, niêm yết công khai...).

Đồng thời, Luật số 67/2020/QH14 cũng quy định về việc xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự. Theo đó, đối với trường hợp này thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước.

Liên quan đến vấn đề này, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP trước đây đã bổ sung Điều 11a vào Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định về xử lý tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Trên cơ sở quy định tại Điều 126 Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 65 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14), đồng thời, để giải quyết một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định về vấn đề này tại Điều 23. Theo đó, có một số điểm mới so với Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 97/2017/NĐ-CP) như: (i) Hướng dẫn thực hiện nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức vi phạm. (ii) Hướng dẫn xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, để bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật số 67/2020/QH14 quy định theo hướng viện dẫn: *“Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã có quyết định tịch thu được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”* (bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 81 Luật XLVPHC), đồng thời, bãi bỏ Điều 82 Luật XLVPHC.

Năm là, quy định cụ thể hơn về các trường hợp (điều kiện), thời hạn đình chỉ, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định đình chỉ, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ, quyết định mới ban hành trong xử phạt vi phạm hành chính nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong việc thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC, bảo đảm tính khả thi của quy định này trên thực tế.

III. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

3.1. Thủ tục thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản

3.1.1. Thi hành quyết định xử phạt cảnh cáo

Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm giao 01 bản quyết định cho tổ chức, cá nhân vi phạm (trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt thì quyết định xử phạt còn được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó).

3.1.2. Thi hành quyết định phạt tiền

Cá nhân, tổ chức vi phạm nhận quyết định xử phạt, nộp tiền phạt tại chỗ cho người có thẩm quyền xử phạt và được nhận chứng từ thu tiền phạt.

Đối với trường hợp không có khả năng nộp tiền phạt tại chỗ:

- Người vi phạm có thể nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước ghi trong quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt.

- Người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ giấy phép lái xe hoặc giấy phép lưu hành phương tiện hoặc các giấy tờ cần thiết khác cho đến khi cá nhân, tổ chức thi hành xong quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật XLVPHC.

3.2. Thủ tục thi hành quyết định xử phạt có lập biên bản

3.2.1. Gửi quyết định xử phạt để thi hành (Điều 70 Luật XLVPHC)

Thời hạn gửi quyết định xử phạt để thi hành hạn: 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Quyết định xử phạt được gửi cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt, cơ quan thu tiền phạt và cơ quan liên quan khác để thi hành.

Cách thức gửi quyết định: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết.

Lưu ý: Các trường hợp sau đây được coi là quyết định đã được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm để thi hành:

(i) Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp, nếu cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận, có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

(ii) Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm:

- Quyết định xử phạt được gửi đến lần thứ ba qua đường bưu điện nhưng đều bị bưu điện trả lại do cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình không nhận;

Ví dụ: Quyết định xử phạt được gửi đến lần thứ ba tới địa chỉ của cá nhân, tổ chức vi phạm theo dấu bưu điện là ngày 12/9/2021, qua thời hạn 10 ngày, đến sau ngày 22/9/2021, thì được coi là quyết định đã được giao.

- Quyết định xử phạt đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị xử phạt.

Ví dụ: Quyết định xử phạt được gửi đến địa chỉ của cá nhân, tổ chức vi phạm theo dấu bưu điện ngày 04/10/2021. Cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh không nhận quyết định xử phạt, quyết định được niêm yết công khai trước cửa nhà riêng của cá nhân vi phạm, cửa ra vào của trụ sở của tổ chức vi phạm. Đến sau ngày 14/10/2021, thì được coi là quyết định đã được giao.

- Có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt.

Ví dụ: Quyết định xử phạt được gửi đến địa chỉ cá nhân, tổ chức vi phạm theo dấu bưu điện ngày 14/6/2021. Cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh không nhận quyết định xử phạt như cá nhân bỏ trốn, cơ sở sản xuất kinh doanh bị xử phạt đóng cửa không hoạt động mà không rõ lý do. Đến sau ngày 24/6/2021, thì được coi là quyết định đã được giao.

3.2.2. Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành (Điều 71 Luật XLVPHC)

a) Các trường hợp chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành:

Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổ chức thi hành.

Trong trường hợp vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác mà việc đi lại gặp khó khăn và cá nhân, tổ chức vi phạm không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành; nếu nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở không có cơ quan cùng cấp thì quyết định xử phạt được chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để thi hành.

b) Thủ tục chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành (Điều 71 Luật XLVPHC và Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP):

Theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật XLVPHC, cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm chuyển toàn bộ bản gốc hồ sơ, giấy tờ liên quan đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành.

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu (nếu có) được chuyển đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành, trừ trường hợp tang vật là động vật, thực vật sống, hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng, khó bảo quản theo quy định của pháp luật; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là bất động sản, tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, các loại hàng hóa, phương tiện công kênh, khó vận chuyển, chi phí vận chuyển cao, thì cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính giữ lại quyết định xử phạt để tổ chức thi hành.

Cá nhân, tổ chức vi phạm phải trả chi phí chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Việc chuyển và bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành phải lập thành biên bản.

3.2.3. Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính (Điều 72 Luật XLVPHC và Điều 18 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)

a) Các trường hợp được công bố công khai:

Công bố công khai đối với 14 loại vi phạm hành chính gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu về dư luận xã hội: *an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược; khám bệnh, chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả.*

b) Cơ quan thực hiện:

Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm công bố công khai việc xử phạt.

c) Nội dung công khai:

Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân, quốc tịch của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả và thời gian thực hiện.

d) Phương tiện thông tin thực hiện công bố công khai:

Trang thông tin điện tử; báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của UBND cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính.

đ) Thủ tục công bố công khai:

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đã ra quyết định xử phạt gửi văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến trang thông tin điện tử hoặc báo của cơ quan quản lý cấp bộ, cấp sở hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

Trường hợp đính chính, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới trong xử phạt vi phạm hành chính, thì cũng phải thực hiện công bố công khai theo quy định tại khoản này.

- Người đứng đầu cơ quan báo hoặc người chịu trách nhiệm quản lý nội dung của trang thông tin điện tử và thời hạn công bố công khai có trách nhiệm:

+ Đăng đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản về việc công bố công khai và bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

+ Đăng công khai thông tin đối với mỗi quyết định xử phạt vi phạm hành chính ít nhất 01 lần, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

+ Đăng tin đính chính trong thời hạn 01 ngày làm việc trên trang thông tin điện tử hoặc số báo tiếp theo, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

- Thủ trưởng cơ quan của người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm:

+ Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố công khai;

+ Đính chính thông tin sai lệch trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được yêu cầu đính chính.

- Đính chính thông tin sai lệch:

+ Trong trường hợp trang thông tin điện tử hoặc báo đăng không chính xác các thông tin theo quy định, thì phải đính chính đúng chuyên mục hoặc vị trí đã đăng thông tin sai lệch trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm phát hiện hoặc nhận được yêu cầu đính chính trên trang thông tin điện tử hoặc số báo tiếp theo và phải chịu chi phí cho việc đính chính;

+ Việc đính chính được thực hiện 01 lần đối với mỗi quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày.

- Trường hợp việc công bố công khai việc xử phạt không thể thực hiện đúng thời hạn (trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt) vì những lý do bất khả kháng, thì người có trách nhiệm công bố công khai phải báo cáo thủ trưởng cấp trên trực tiếp và thực hiện công bố công khai việc xử phạt ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

- Kinh phí thực hiện công bố công khai và đính chính thông tin sai lệch được chi trả bằng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên từ cơ quan của người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3.2.4. Thủ tục thi hành quyết định xử phạt

3.2.4.1. Quy định chung về thi hành quyết định xử phạt (Điều 73 Luật XLVPHC):

a) Thời hạn thi hành quyết định xử phạt: 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

b) Trách nhiệm thi hành quyết định xử phạt:

- Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính: (i) Phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn quy định; (ii) trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải

chấp hành quyết định xử phạt trong thời gian khiếu nại, khởi kiện, trừ trường hợp người giải quyết khiếu nại, khởi kiện ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục (Điều 15 Luật XLVPHC). Ví dụ: Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép xây dựng, trong đó, cá nhân vi phạm phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép. Việc thi hành quyết định có thể gây ra hậu quả khó khắc phục, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, khởi kiện có thể ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt.

- Người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt: (i) Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt người vi phạm; (ii) thông báo kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về XLVPHC của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương.

3.2.4.2. *Thủ tục thi hành các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả:*

a) *Thủ tục thi hành quyết định phạt tiền:*

a1) *Trường hợp thông thường:*

- Thời hạn nộp tiền phạt: Thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trừ trường hợp trong quyết định xử phạt ghi thời hạn khác.

- Cá nhân, tổ chức vi phạm thực hiện việc nộp tiền phạt theo một trong các hình thức sau đây:

(i) Nộp tiền mặt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc tại ngân hàng thương mại nơi Kho bạc nhà nước mở tài khoản được ghi trong quyết định xử phạt;

(ii) Chuyển khoản vào tài khoản của Kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt thông qua Công Dịch vụ công Quốc gia hoặc dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

(iii) Nộp phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 56 (*xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản*), khoản 2 Điều 78 Luật XLVPHC (*tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn; trường hợp xử phạt trên biển hoặc ngoài giờ hành chính*) hoặc nộp trực tiếp cho cảng vụ hoặc đại diện cảng vụ hàng không đối với trường hợp người bị xử phạt là hành khách quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam để thực hiện chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam; thành viên tổ bay làm nhiệm vụ trên chuyến bay quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; thành viên tổ bay của hãng hàng không nước ngoài thực hiện chuyến bay quốc tế xuất phát từ lãnh thổ Việt Nam;

(iv) Nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ vào Kho bạc nhà nước theo quy định tại các điểm (i), (ii) và (iii) trên đây hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tiền phạt phải được nộp toàn bộ một lần, trừ trường hợp quy định tại Điều 79 của Luật XLVPHC (trường hợp nộp tiền phạt nhiều lần).

- Người thu tiền phạt có trách nhiệm giao chứng từ thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức nộp tiền phạt.

- Thi hành quyết định xử phạt đối với trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm chậm nộp tiền phạt; cá nhân, tổ chức vi phạm được nộp tiền phạt nhiều lần:

a2) Trường hợp chậm nộp tiền phạt:

Cá nhân, tổ chức vi phạm xác định là chậm nộp tiền phạt nếu quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt mà không thi hành. Người vi phạm phải nộp thêm 0,05% trên tổng số tiền phạt chưa nộp cho mỗi ngày chậm nộp và bị cưỡng chế thi hành.

a3) Trường hợp nộp tiền phạt nhiều lần:

- Điều kiện áp dụng: Mức phạt tiền đối với cá nhân từ 15.000.000 đồng trở lên; tổ chức là từ 150.000.000 đồng trở lên và cá nhân, tổ chức đó đang gặp khó khăn đặc biệt về kinh tế và có đơn đề nghị nộp tiền phạt nhiều lần có xác nhận hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Thời hạn nộp tiền phạt nhiều lần: Không quá 06 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

- Số lần nộp tiền phạt tối đa không quá 03 lần và mức nộp phạt lần thứ nhất tối thiểu là 40% tổng số tiền phạt.

- Người đã ra quyết định phạt tiền xem xét, quyết định việc nộp tiền phạt nhiều lần bằng văn bản.

Ví dụ: Hành vi vi phạm của Ông Nguyễn Văn A bị xử phạt tiền là 50.000.000 đồng ghi trong quyết định xử phạt. Công ty của ông A kinh doanh thua lỗ và có nguy cơ phá sản, các tài khoản của cá nhân và công ty bị ngân hàng phong tỏa để bảo đảm các nghĩa vụ tài chính. Ông A có đơn đề nghị xin nộp tiền phạt nhiều lần và được người đã ra quyết định xử phạt đồng ý (quyết định bằng văn bản). Như vậy, Ông A không phải nộp ngay toàn bộ số tiền phạt mà có thể nộp thành 03 lần trong vòng 06 tháng và mức tiền nộp lần đầu tiên phải từ 20.000.000 đồng trở lên.

a4) Hoãn thi hành quyết định phạt tiền (Điều 76 Luật XLVPHC):

- Mục đích: Tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng vi phạm thi hành quyết định; bảo đảm tính nghiêm minh của xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định xử phạt đều phải được thi hành.

- Điều kiện: Việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;

+ Cá nhân đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh.

+ Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

+ Trường hợp tổ chức đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Thẩm quyền xem xét, quyết định:

+ Người có thẩm quyền xử phạt.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền.

- Thủ tục:

(i) Trường hợp thông thường:

+ Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật XLVPHC (*Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó*). Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

+ Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

+ Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC.

(ii) Trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành:

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt đề nghị hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại các Điều 76 và 77 Luật XLVPHC, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền, đồng thời thông báo cho người có đơn đề nghị hoãn thi hành quyết định phạt tiền và người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó biết, nếu không đồng ý với việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền, thì phải nêu rõ lý do;

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt gửi đơn đề nghị hoãn thi hành quyết định phạt tiền đến người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển đơn đề nghị đó đến người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để xem xét, quyết định việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền.

a5) Giảm, miễn tiền phạt (Điều 77 Luật XLVPHC):

- Mục đích: Tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng vi phạm thi hành quyết định; bảo đảm tính nghiêm minh của xử phạt vi phạm hành chính, các quyết định xử phạt đều phải được thi hành; giải quyết trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm đã được hoãn thi hành quyết định nhưng hết thời hạn hoãn vẫn không có khả năng thi hành.

- Điều kiện giảm một phần tiền phạt:

+ Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Điều kiện miễn phần tiền phạt còn lại đối với cá nhân:

+ Đã được giảm một phần tiền phạt mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác

nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Điều kiện miễn phần tiền phạt còn lại đối với tổ chức:

+ Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật này;

+ Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;

+ Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Điều kiện miễn toàn bộ tiền phạt đối với cá nhân:

+ Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 Luật XLVPHC mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Điều kiện miễn toàn bộ tiền phạt đối với tổ chức:

+ Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật này;

+ Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;

+ Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Thẩm quyền xem xét, quyết định:

+ Người có thẩm quyền xử phạt.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc giảm, miễn tiền phạt.

- Thủ tục:

(i) Trường hợp thông thường:

+ Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.

+ Cá nhân, tổ chức được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC.

(ii) Trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành:

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt đề nghị giảm, miễn tiền phạt theo quy định tại các Điều 76 và 77 XLVPHC, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, quyết định việc giảm, miễn, đồng thời thông báo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn và người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đó biết, nếu không đồng ý với việc giảm, miễn, thì phải nêu rõ lý do;

+ Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt gửi đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt đến người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thì người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm tiếp nhận và chuyển đơn đề nghị đó đến người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để xem xét, quyết định việc giảm, miễn.

b) Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn:

- Người có thẩm quyền xử phạt thu giữ, bảo quản giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP cũng quy định: “Cá nhân, tổ chức vi phạm phải giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo yêu cầu thu giữ của người có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 7 Điều 125 Luật XLVPHC. Việc giao nộp giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải lập thành biên bản và giao 01 bản cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm, trừ trường hợp đã lập biên bản tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì biên bản tạm giữ tiếp tục có giá trị cho đến hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.

- Thông báo ngay cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết. Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định cụ thể hơn thời hạn và cách thức thực hiện việc thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề: “Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó biết”.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không được tiến hành các hoạt động ghi trong quyết định xử phạt trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.

- Giao lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề cho cá nhân, tổ chức đã bị tước khi hết thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề ghi trong quyết định xử phạt.

- Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái pháp luật thì người có thẩm quyền xử phạt phải tạm giữ và ra quyết định thu hồi ngay theo thẩm quyền; trường hợp không thuộc thẩm quyền thu hồi thì tạm giữ và trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện, phải chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp để xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho cá nhân, tổ chức vi phạm biết.

c) Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

- Bước 1: Lập biên bản về tình trạng tang vật, phương tiện vi phạm:

+ Nội dung biên bản: tên, số lượng, chủng loại, số đăng ký (nếu có), tình trạng, chất lượng của vật, tiền, hàng hoá, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu và phải có chữ ký của người tiến hành tịch thu, người bị xử phạt hoặc đại diện tổ chức bị xử phạt và người chứng kiến;

+ Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cần được niêm phong thì phải niêm phong ngay trước mặt người bị xử phạt, đại diện tổ chức bị xử phạt hoặc người chứng kiến.

+ Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ, nếu nhận thấy có tình trạng tang vật, phương tiện có thay đổi so với thời điểm ra quyết định tạm giữ thì phải lập biên bản có chữ ký của người lập biên bản, người có trách nhiệm tạm giữ và người chứng kiến.

- Bước 2: Quản lý và bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu để tránh các trường hợp làm mất, hư hỏng, đánh tráo tài sản và các hành vi trục lợi khác. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật XLVPHC thì *“tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải được quản lý và bảo quản theo quy định của Chính phủ”*. Hiện nay, vấn đề này được Chính phủ quy định cụ thể tại Nghị định số 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

- Bước 3: Xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:

Luật XLVPHC không quy định về nội này mà viện dẫn xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: *“Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã có quyết định tịch thu được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”* (Khoản 3 Điều 81 Luật XLVPHC).

d) *Xử lý tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu (Điều 126 Luật XLVPHC và Điều 23 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP):*

- Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thì tang vật, phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Trường hợp phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức vi phạm, thì các cá nhân, tổ

chức vi phạm đều có trách nhiệm trong việc nộp khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ do người có thẩm quyền xử phạt quyết định, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm có sự thống nhất, thỏa thuận bằng văn bản gửi đến người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 66 Luật XLVPHC.

- Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự, thì xử lý như sau:

+ Bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước;

+ Bên nhận thế chấp có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản kết quả xử lý tài sản bảo đảm cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả xử lý tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu. Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi được xử lý có giá trị lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm, mà cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chưa nộp đủ khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước, thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ chuyển phần giá trị chênh lệch của tài sản bảo đảm vào ngân sách nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có thông báo bằng văn bản kết quả xử lý tài sản bảo đảm;

+ Bên nhận thế chấp không thực hiện nghĩa vụ chuyển phần giá trị chênh lệch của tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu trong thời hạn quy định, thì bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng hoặc lĩnh vực khác có liên quan.

- Tùy theo loại tang vật, phương tiện cụ thể, việc xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm để xác định khoản tiền tương đương mà cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp vào ngân sách nhà nước dựa trên một trong các căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC. Người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có trách nhiệm xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm.

- Trường hợp không thể áp dụng được căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải thành lập Hội đồng định giá. Việc thành lập Hội đồng định giá được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật XLVPHC.

- Hình thức, thủ tục thu, nộp khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước được thực hiện tương tự như quy định về việc thu, nộp tiền phạt và tiền chậm nộp phạt vi phạm hành chính (tại Điều 21 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP).

đ) Thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 85 Luật XLVPHC):

- Thời hạn thi hành: thực hiện theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 của Luật XLVPHC.

- Trách nhiệm thực hiện:

+ Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định theo quy định của pháp luật.

+ Người có thẩm quyền ra quyết định có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện.

+ Chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức vi phạm chi trả.

+ **Lưu ý:** Các trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả và chi trả chi phí thực hiện:

(i) Cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản không có tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75 của Luật XLVPHC;

(ii) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật XLVPHC.

(iii) Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông (trường hợp này cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải hoàn trả kinh phí cho cơ quan đã thực hiện).

e) Thi hành quyết định xử phạt trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản (Điều 75 Luật XLVPHC và Điều 19 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP):

- Trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản thì không thi hành quyết định phạt tiền nhưng vẫn thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định.

- Nếu quyết định xử phạt vẫn còn thời hiệu thi hành, thì người đã ra quyết định xử phạt phải ra quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi

phạm hành chính trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày người bị xử phạt chết được ghi trong giấy chứng tử; người bị mất tích được ghi trong quyết định tuyên bố mất tích; kể từ thời điểm cơ quan đăng ký kinh doanh thông báo về việc doanh nghiệp giải thể; thời điểm quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực. Quyết định thi hành gồm các nội dung sau đây:

- + Đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt, lý do đình chỉ; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

- + Hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả tiếp tục thi hành.

- Trách nhiệm thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản:

- + Cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có trách nhiệm thi hành hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

- + Cá nhân là người được hưởng di sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế có trách nhiệm tiếp tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trong phạm vi di sản thừa kế.

- Gửi quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- + Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết việc giải thể, phá sản; người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị giải thể, phá sản để thi hành;

- + Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải được gửi cho cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này và điểm a khoản này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

- Thủ tục thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

- + Thủ tục thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Phần thứ hai Luật XLVPHC;

- + Trường hợp quá thời hạn thi hành quyết định mà cá nhân, tổ chức cá nhân, tổ chức đang quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính hoặc cá nhân là người được hưởng di sản thừa kế được xác định theo quy định của pháp luật dân sự về thừa kế không thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, thì cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện.

+ Chi phí thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả được khấu trừ từ di sản thừa kế mà người bị xử phạt để lại hoặc tài sản còn lại của tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản và được coi là một trong những khoản chi phí ưu tiên thanh toán (nếu có).

- Trường hợp người bị xử phạt chết không để lại di sản thừa kế, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản không còn tài sản, thì việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật XLVPHC (cơ quan nơi người có thẩm quyền xử phạt đang thụ lý hồ sơ vụ vi phạm hành chính phải tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả).

- Người thừa kế của người bị xử phạt chết, mất tích, người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản có quyền giám sát, khiếu nại khởi kiện đối với các chi phí tổ chức thực hiện và việc thanh toán chi phí thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

3.3. Một số điểm mới về thủ tục thi hành quyết định xử phạt tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC

Trong thời gian qua, việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, trong đó có những khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật và cả những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực thi các quy định pháp luật như việc áp dụng tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính vẫn còn có những cách hiểu khác nhau; chưa quy định hoãn thi hành; giảm, miễn tiền phạt đối với tổ chức nên không kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp khi gặp khó khăn về tài chính do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ...

Để cơ bản giải quyết những vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Luật số 67/2020/QH14 và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề này như sau:

Một là, Luật số 67/2020/QH14 quy định rõ hơn về trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn áp dụng tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cụ thể như sau:

(i) Trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn áp dụng tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính để bảo đảm tính rõ ràng hơn khi áp dụng pháp luật (khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC).

(ii) Về loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu gồm: Loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành và tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu.

(iii) Về trường hợp áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Người có thẩm quyền xử phạt sẽ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định (tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính) đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Hai là, Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung quy định về hoãn, giảm, miễn tiền phạt tại Điều 76 và Điều 77 Luật XLVPHC theo hướng:

- Bổ sung tổ chức vi phạm hành chính cũng là đối tượng được hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm, miễn tiền phạt.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục, điều kiện để được hoãn thi hành quyết định phạt tiền, giảm, miễn tiền phạt theo hướng giản đơn, cụ thể và bảo đảm tính khả thi (Ví dụ: Đối với cá nhân, mức tiền phạt để được xem xét hoãn thi hành quyết định phạt tiền được giảm từ 3.000.000 đồng xuống còn 2.000.000 đồng; thủ tục giảm, miễn tiền phạt cũng được cắt giảm, trước đây phải được cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền xử phạt xem xét, quyết định thì nay chỉ cần người có thẩm quyền xử phạt xem xét, quyết định...).

Ba là, Luật số 67/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện được nộp tiền phạt nhiều lần theo hướng giảm mức tiền phạt để được xem xét nộp tiền phạt nhiều lần. Theo đó, việc nộp tiền phạt nhiều lần được áp dụng khi cá nhân bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng trở lên và tổ chức bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng trở lên.

Bốn là, Luật số 67/2020/QH14 quy định rõ: Đối với trường hợp hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật XLVPHC) thì không thi hành quyết định đó nữa, nhưng vẫn phải tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nếu quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả (trước đây, đối với trường hợp hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì chỉ tịch thu nếu tang vật, phương tiện thuộc loại cấm lưu hành; chỉ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp cần thiết để bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, xây dựng và an ninh trật tự, an toàn xã hội).

Năm là, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Luật số 67/2020/QH14 đã bãi bỏ Điều 82 của Luật XLVPHC về xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đồng thời, bổ sung khoản 3 vào Điều 81 Luật XLVPHC quy định viện dẫn: “*Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã có*

quyết định tịch thu được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”.

Sáu là, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Điều 61 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về giải trình. Đây là quy định được Luật giao quy định chi tiết tại khoản 5 Điều 61 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Theo đó, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định về thời hạn ban hành quyết định xử phạt trong một số trường hợp như: Cá nhân, tổ chức vi phạm không gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc không gửi văn bản đề nghị gia hạn thời hạn giải trình; cá nhân, tổ chức vi phạm có yêu cầu giải trình theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 61 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định về thủ tục giải quyết đối với trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 61 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020) lại có yêu cầu giải trình. Bên cạnh đó, Nghị định cũng hướng dẫn cụ thể việc thực hiện giải trình trong trường hợp khi lập biên vi phạm hành chính chưa xác định được người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Bảy là, bổ sung quy định về chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành. Đây là quy định mới được bổ sung tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP để hướng dẫn cụ thể Điều 71 Luật XLVPHC (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Theo đó, quy định cụ thể về trách nhiệm và nội dung chuyển, bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đến cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành (khoản 1 Điều 22); xem xét hoãn, giảm, miễn tiền phạt trong trường hợp chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành (khoản 3 Điều 22) và cách thức xử lý trong trường hợp tang vật bị tạm giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật XLVPHC là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là bất động sản, tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, các loại ang hóa, phương tiện công kênh, khó vận chuyển, chi phí vận chuyển cao.

Tám là, sửa đổi, bổ sung quy định về xử lý tang vật, phương tiện bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu.

Trên cơ sở quy định tại Điều 126 Luật XLVPHC (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 65 Điều 1 Luật số 67/2020/QH14), đồng thời, để giải quyết một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung quy định về vấn đề này tại Điều 23. Theo đó, có một số điểm mới so với Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định

97/2017/NĐ-CP) như: (i) Hướng dẫn thực hiện nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm trong vụ việc có nhiều cá nhân, tổ chức vi phạm. (ii) Hướng dẫn xử lý đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự.

IV. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

4.1. Các biện pháp cưỡng chế

Các biện pháp cưỡng chế bao gồm:

- Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;
- Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;
- Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.
- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

4.2. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế

- Nguyên tắc giao thẩm quyền quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế:
 - + Giao thẩm quyền quyết định cưỡng chế trên cơ sở bảo đảm điều kiện về lực lượng, phương tiện để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế. Do đó, để bảo đảm phù hợp với thực tiễn và hệ thống tổ chức cơ quan chức năng có thẩm quyền xử phạt hiện nay, Luật XLVPHC chỉ quy định một số chức danh cụ thể mà không phải là tất cả người có thẩm quyền xử phạt.
 - + Những người quy định tại Điều 87 Luật XLVPHC có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế và tổ chức việc cưỡng chế thi hành đối với quyết định xử phạt của cấp dưới trong các trường hợp:
 - (i) Cấp dưới không có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế;
 - (ii) Cấp dưới có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế nhưng không đủ điều kiện về lực lượng, phương tiện để tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế và có văn bản đề nghị cấp trên ra quyết định cưỡng chế.
 - + Theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành, nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, thì thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt không thuộc về người đã ban hành

quyết định xử phạt, mà thay vào đó, người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

4.3. Thi hành quyết định cưỡng chế

4.3.1. Gửi quyết định cưỡng chế để thực hiện

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người ra quyết định phải gửi quyết định cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cơ quan, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế và cá nhân, tổ chức có liên quan.

Việc gửi quyết định cưỡng chế cho các cá nhân, tổ chức liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Luật XLVPHC. Theo đó, quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết.

Đối với trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận thì người có thẩm quyền lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao.

Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

4.3.2. Thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế

a) Thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế:

Quyết định cưỡng chế phải được thi hành ngay khi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế.

b) Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế:

Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế được tính kể từ ngày ra quyết định cưỡng chế cho đến thời điểm chấm dứt hiệu lực thi hành của quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật XLVPHC; quá thời hạn này thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, trừ trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thì vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đó.

4.3.3. Trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong việc thi hành quyết định cưỡng chế

- Người ra quyết định cưỡng chế tổ chức thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt của mình và của cấp dưới.

- Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

- Cá nhân, tổ chức liên quan có nghĩa vụ phối hợp với người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các quyết định cưỡng chế.

- Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan nhà nước khác khi được yêu cầu

- Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành mở tài khoản có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu bằng văn bản của người có thẩm quyền cưỡng chế; tiến hành phong tỏa số tiền trong tài khoản tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp hoặc phong tỏa toàn bộ số tiền trong tài khoản trong trường hợp số dư trong tài khoản tiền gửi ít hơn số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp; thực hiện việc trích chuyển số tiền phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trích chuyển, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết việc trích chuyển; việc trích chuyển không cần sự đồng ý của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

4.4. Trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế

Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế như sau:

4.4.1. Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập

a) Đối tượng bị áp dụng khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập bao gồm:

- Cá nhân bị cưỡng chế là cán bộ, công chức hoặc cá nhân đang làm việc được hưởng tiền lương hoặc thu nhập tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức.

- Cá nhân bị cưỡng chế đang được hưởng bảo hiểm xã hội.

b) Xác minh thông tin về tiền lương và thu nhập:

- Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm tổ chức xác minh thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội được hưởng của cá nhân bị cưỡng chế để làm căn cứ ra quyết định cưỡng chế.

- Cá nhân bị cưỡng chế; tổ chức, cá nhân đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập và các tổ chức, cá nhân liên quan phải cung cấp thông tin về tiền lương, thu nhập, mức bảo hiểm xã hội của cá nhân bị cưỡng chế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã cung cấp.

c) Nội dung quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân:

Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân bao gồm những nội dung sau: Số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; căn cứ ra quyết định; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác của người ra quyết định; họ tên, địa chỉ của cá nhân bị cưỡng chế khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập; tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế; số tiền bị khấu trừ; lý do khấu trừ; tên, địa chỉ của Kho bạc Nhà nước nhận tiền; phương thức chuyển số tiền bị khấu trừ đến Kho bạc; thời gian thi hành; chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan ra quyết định.

d) Tỷ lệ khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập đối với cá nhân:

Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có thể tiến hành nhiều lần, tỷ lệ như sau:

- Đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 30% tổng số tiền lương, bảo hiểm xã hội được hưởng.

- Đối với những khoản thu nhập khác, tỷ lệ khấu trừ mỗi lần không quá 50% tổng thu nhập.

đ) Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị khấu trừ:

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quyết định cưỡng chế của cơ quan có thẩm quyền.

- Đến kỳ lĩnh lương hoặc thu nhập gần nhất, cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế có trách nhiệm khấu trừ một phần lương hoặc thu nhập của cá nhân bị cưỡng chế và chuyển số tiền đã khấu trừ đến tài khoản Kho bạc Nhà nước theo nội dung ghi trong quyết định cưỡng chế, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

- Trường hợp chưa khấu trừ đủ số tiền theo quyết định cưỡng chế mà cá nhân bị cưỡng chế đã chấm dứt hợp đồng có hưởng lương hoặc thu nhập thì cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

- Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động đang quản lý tiền lương hoặc thu nhập của cá nhân bị áp dụng biện pháp khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập cố tình không thực hiện quyết định cưỡng chế khấu trừ của cơ quan có thẩm quyền thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4.4.2. *Khấu trừ tiền từ tài khoản*

a) Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản:

Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản là tổ chức, cá nhân không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, không thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ chi phí cưỡng chế mà có tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam.

b) Xác minh thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế:

- Người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản có quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật; trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế không có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin về tài khoản thì đề nghị người có thẩm quyền yêu cầu tổ chức tín dụng cung cấp thông tin. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật những thông tin được cung cấp.

- Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản về tên tổ chức tín dụng, nơi mở tài khoản của mình tại tổ chức tín dụng khi có yêu cầu.

c) Tổ chức tín dụng nơi cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế mở tài khoản có trách nhiệm:

- Cung cấp thông tin bằng văn bản về tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế hiện đang mở tài khoản tại tổ chức tín dụng của mình khi có yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

- Giữ lại trong tài khoản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế số tiền tương đương với số tiền mà cá nhân, tổ chức đó phải nộp theo yêu cầu của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế.

- Trích chuyển từ tài khoản tiền gửi của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế vào ngân sách nhà nước qua tài khoản mở tại Kho bạc Nhà nước số tiền mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải nộp.

- Trường hợp trong tài khoản không còn số dư hoặc còn nhưng không đủ để khấu trừ thì tổ chức tín dụng sau khi khấu trừ số tiền hiện có phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã ra quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản tại tổ chức tín dụng biết để áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản theo quy định.

- Nếu trong tài khoản của cá nhân, tổ chức còn số dư mà tổ chức tín dụng không thực hiện việc trích chuyển tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế theo quyết định cưỡng chế khấu trừ của người có thẩm quyền thì tổ chức tín dụng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Thủ tục thu tiền khấu trừ:

- Việc khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại tổ chức tín dụng của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế được thực hiện trên cơ sở các chứng từ thu theo quy định hiện hành. Chứng từ thu sử dụng để khấu trừ tiền lương hoặc thu nhập được gửi cho các bên có liên quan.

- Sau khi thu tiền, Kho bạc Nhà nước nơi nhận tiền khấu trừ có trách nhiệm thông báo cho người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế biết.

4.4.3. Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá

a) Đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá:

- Cá nhân không được hưởng tiền lương, thu nhập hoặc bảo hiểm xã hội tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức và không có tài khoản hoặc số tiền gửi từ tài khoản tại tổ chức tín dụng không đủ để áp dụng biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản.

- Tổ chức không có tài khoản hoặc số tiền gửi từ tài khoản tại tổ chức tín dụng không đủ để áp dụng biện pháp khấu trừ tiền từ tài khoản.

Chỉ được kê biên tài sản của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tương ứng với số tiền đã ghi trong quyết định xử phạt, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và chi phí cho việc tổ chức thi hành cưỡng chế.

b) Những tài sản không được kê biên:

- Nhà ở duy nhất của cá nhân và gia đình người bị cưỡng chế có diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về cư trú.

- Thuốc chữa bệnh, lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cá nhân bị cưỡng chế và gia đình họ sử dụng.

- Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có quyền đề nghị kê biên tài sản nào trước, người được giao chủ trì kê biên phải chấp nhận nếu xét thấy đề nghị đó không ảnh hưởng đến việc cưỡng chế.

Nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không đề nghị cụ thể việc kê biên tài sản nào trước thì tài sản thuộc sở hữu riêng được kê biên trước.

Chỉ kê biên những tài sản thuộc sở hữu chung của cá nhân bị cưỡng chế với người khác nếu cá nhân bị cưỡng chế không có tài sản riêng hoặc tài sản riêng không đủ để thi hành quyết định cưỡng chế. Trường hợp tài sản có tranh chấp thì vẫn tiến hành kê biên và giải thích cho những người cùng sở hữu tài sản kê biên về quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

Cơ quan tiến hành kê biên có trách nhiệm thông báo công khai thời gian, địa điểm tiến hành kê biên để các đồng sở hữu biết. Hết thời hạn 03 tháng, kể từ ngày kê biên mà không có người khởi kiện thì tài sản kê biên được đem bán đấu giá theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Việc kê biên tài sản phải được lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tiến hành kê biên tài sản; họ tên, chức vụ người chủ trì thực hiện việc kê biên; người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ; người chứng kiến; đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế); mô tả tên gọi, tình trạng, đặc điểm từng tài sản bị kê biên.

Người chủ trì thực hiện việc kê biên, người đại diện cho tổ chức bị kê biên tài sản, cá nhân có tài sản bị kê biên hoặc người đại diện hợp pháp cho họ, người chứng kiến, đại diện chính quyền địa phương (hoặc cơ quan của cá nhân bị cưỡng chế) ký tên vào biên bản. Biên bản kê biên tài sản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản kê biên được lập thành 02 bản, cơ quan ra quyết định cưỡng chế giữ 01 bản, 01 bản giao cho cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị kê biên ngay sau khi hoàn thành việc lập biên bản.

c) Giao bảo quản tài sản kê biên:

Người chủ trì thực hiện việc kê biên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

- Giao cho người bị cưỡng chế, thân nhân của người bị cưỡng chế hoặc người đang quản lý, sử dụng tài sản đó bảo quản;

- Giao cho một trong những đồng sở hữu chung bảo quản nếu tài sản đó thuộc sở hữu chung;

- Giao cho tổ chức, cá nhân có điều kiện bảo quản.

Đối với tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ thì tạm giao cho Kho bạc Nhà nước quản lý; đối với các tài sản như vật liệu nổ công nghiệp, công cụ hỗ trợ, vật có giá trị lịch sử, văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, hàng lâm sản quý hiếm thì tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để quản lý.

Khi giao bảo quản tài sản kê biên, người chủ trì thực hiện kê biên phải lập biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian bàn giao bảo quản; họ và tên người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người được giao bảo quản tài sản, người chứng kiến việc bàn giao; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản; quyền và nghĩa vụ của người được giao bảo quản tài sản.

Người chủ trì thực hiện kê biên, người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến ký tên vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Biên bản được giao cho người được giao bảo quản tài sản, cá nhân, đại diện tổ chức bị cưỡng chế, người chứng kiến và người chủ trì thực hiện việc kê biên mỗi người giữ 01 bản.

Người được giao bảo quản tài sản được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để bảo quản tài sản, trừ những người quy định tại Điểm a Mục này.

Người được giao bảo quản tài sản gây hư hỏng, đánh tráo, làm mất hoặc hủy hoại tài sản thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Định giá tài sản kê biên:

Việc định giá tài sản kê biên được tiến hành tại nhà của cá nhân hoặc trụ sở của tổ chức bị kê biên hoặc nơi lưu giữ tài sản bị kê biên, trừ trường hợp phải thành lập Hội đồng định giá tài sản.

Tài sản đã kê biên được định giá theo sự thỏa thuận giữa người chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế với đại diện tổ chức hoặc cá nhân bị cưỡng chế và chủ sở hữu chung trong trường hợp kê biên tài sản chung. Thời hạn để các bên thỏa thuận về giá không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên.

Trường hợp các bên không thỏa thuận được về giá trị thì trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế thành lập Hội đồng định giá tài sản. Hội đồng định giá tài sản gồm có

người đã ra quyết định cưỡng chế là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng định giá tài sản phải tiến hành việc định giá. Việc định giá tài sản dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp định giá tài sản của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Trong cuộc họp định giá, mỗi thành viên của Hội đồng định giá tài sản phát biểu ý kiến của mình về giá trị của tài sản. Các quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng hoặc người được ủy quyền điều hành cuộc họp định giá tài sản. Cá nhân bị kê biên hoặc đại diện tổ chức có tài sản bị kê biên được tham gia ý kiến vào việc định giá, nhưng quyền quyết định giá thuộc Hội đồng định giá tài sản.

Việc định giá tài sản phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành định giá, thành phần những người tham gia định giá, tên và trị giá tài sản đã được định giá, chữ ký của các thành viên tham gia định giá và của chủ tài sản.

đ) Chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá:

Đối với tài sản bị kê biên để bán đấu giá, giá khởi điểm được xác định theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày tài sản bị kê biên, người đã ra quyết định cưỡng chế ký hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản bị kê biên để bán đấu giá; trường hợp không ký được hợp đồng bán đấu giá với tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thì thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản.

Việc bán đấu giá tài sản bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Sau khi đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản, người chủ trì thực hiện kê biên tiến hành chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá. Việc chuyển giao phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ: Thời gian bàn giao, người bàn giao, người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng tài sản. Hồ sơ bàn giao tài sản kê biên cho cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá bao gồm: Quyết định cưỡng chế kê biên; các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp (nếu có); văn bản định giá tài sản và biên bản bàn giao tài sản đó.

Trong trường hợp tài sản kê biên là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà cơ quan có trách nhiệm bán đấu giá không có nơi cất giữ tài sản thì sau khi thực hiện xong thủ tục chuyển giao có thể ký hợp đồng bảo quản tài sản với nơi đang giữ tài sản đó. Chi phí cho việc thực hiện hợp đồng bảo quản được thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được sau khi bán đấu giá.

Đối với tài sản thuộc sở hữu chung, khi bán đấu giá thì ưu tiên bán cho người đồng sở hữu trước.

Trường hợp số tiền bán đấu giá tài sản nhiều hơn số tiền ghi trong quyết định xử phạt và chi phí cho việc cưỡng chế thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bán đấu giá, cơ quan thi hành biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản bán đấu giá làm thủ tục trả lại phần chênh lệch cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

e) Chuyển giao quyền sở hữu tài sản:

Người mua tài sản kê biên được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

- Bản sao quyết định cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản để bán đấu giá;
- Biên bản bán đấu giá tài sản;
- Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

4.4.4. Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

a) Bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế có trách nhiệm:

Cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thông tin về số tiền, tài sản đang giữ của đối tượng cưỡng chế khi có yêu cầu.

Khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế, không được chuyển trả tiền, tài sản cho đối tượng bị cưỡng chế cho đến khi thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc chuyển giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế để làm thủ tục bán đấu giá.

Trường hợp bên thứ ba không thực hiện được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế hoặc tẩu tán tiền, tài sản đang giữ của đối tượng bị cưỡng chế thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thi hành cưỡng chế thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản

Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu bên thứ ba đang giữ tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

Khi cưỡng chế để thu tiền, tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản phải có đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm tổ chức cưỡng chế; cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; họ tên, địa chỉ của cá nhân, tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện chính quyền địa phương nơi tiến hành cưỡng chế, người chứng kiến; số tiền, tài sản và tình trạng tài sản bị thu.

Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế; cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản; đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Biên bản có nhiều tờ thì phải ký vào từng tờ biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế, cá nhân, đại diện tổ chức đang giữ tiền, tài sản cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến.

4.4.5. Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả

Khi nhận được quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, cá nhân, tổ chức được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động lực lượng, phương tiện để thực hiện biện pháp cưỡng chế đã ghi trong quyết định.

Trước khi tiến hành cưỡng chế, nếu cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì cơ quan chủ trì cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện thi hành.

Khi thực hiện cưỡng chế để thi hành biện pháp khắc phục hậu quả phải có đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và người chứng kiến.

Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế về việc tháo dỡ, di chuyển công trình xây dựng trái phép hoặc bàn giao đất mà trong công trình và trên đất đó có tài sản không thuộc diện phải cưỡng chế thì người tổ chức cưỡng chế có quyền buộc cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế và những người khác có mặt trong công trình ra khỏi công trình hoặc khu vực đất, đồng thời yêu cầu họ tự chuyển tài sản ra theo. Nếu họ không tự nguyện thực hiện thì người tổ chức cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi công trình hoặc khu vực đất đó.

Nếu họ từ chối nhận tài sản, người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan ra quyết định cưỡng chế và thông báo địa điểm, thời gian để cá nhân, tổ chức có tài sản nhận lại tài sản. Cá nhân, tổ chức có tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

Quá thời hạn 06 tháng, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà cá nhân, tổ chức có tài sản không đến nhận thì tài sản đó được bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó. Đối với tài sản hư hỏng và không còn giá trị, người tổ chức cưỡng chế tổ chức tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ hiện trạng của tài sản trước khi tiêu hủy.

Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật mà người bị cưỡng chế chưa thực hiện được ngay thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế áp dụng một trong các biện pháp cưỡng chế quy định tại các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 86 Luật XLVPHC.

Việc thi hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả gây ra phải được lập biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Trong biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì tiến hành cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; kết quả thực hiện.

Cá nhân hoặc đại diện tổ chức bị cưỡng chế, đại diện cơ quan ra quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến ký vào biên bản. Trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

4.4.6. Bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế

a) Các biện pháp bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế:

Khi có quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, nếu có dấu hiệu cho thấy cá nhân, tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế có hành vi tẩu tán hoặc làm hư hoại tiền bạc, tài sản thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền yêu cầu các cơ quan tổ chức có liên quan, chính quyền địa phương nơi cá nhân bị cưỡng chế cư trú hoặc công tác, tổ chức bị cưỡng chế đóng trụ sở thực hiện biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tiền bạc, tài sản.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế có hành vi chống đối không thực hiện quyết định cưỡng chế sau khi đã vận động, giải thích, thuyết phục nhưng không có hiệu quả thì người đã ra quyết định cưỡng chế có quyền huy động lực lượng, phương tiện để bảo đảm thi hành cưỡng chế.

Cá nhân bị cưỡng chế mà chưa thực hiện hoặc trốn tránh thực hiện thì bị đưa vào diện chưa được xuất cảnh.

b) Chi phí cưỡng chế:

Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng địa phương.

Chi phí cưỡng chế bao gồm:

- Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế;
- Chi phí thù lao cho các chuyên gia định giá để tổ chức đấu giá, chi phí tổ chức bán đấu giá tài sản;
- Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản;
- Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên;
- Chi phí thực tế khác (nếu có).

Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền từ cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 86 Luật XLVPHC.

4.5. Một số điểm mới về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP

Một là, Luật XLVPHC và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP chưa có quy định về thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, tại Điều 88 Luật số 67/2020/QH14 đã bổ sung quy định cụ thể về thời hạn, thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Hai là, Luật số 67/2020/QH14 quy định rõ: Đối với trường hợp hết thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế (quy định tại khoản 2a Điều 88 Luật XLVPHC) thì không thi hành quyết định cưỡng chế đó, nhưng vẫn phải cưỡng chế tịch thu tang vật, phương tiện, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp quyết định xử phạt có áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ba là, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP bổ sung quy định về thẩm quyền cưỡng chế trong trường hợp chuyển quyết định xử phạt để thi hành, theo đó, trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt, thì người có thẩm quyền tại cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành có trách nhiệm ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 22 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP)/.

